ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ SƠN BẰNG

ĐỒ ÁN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHUNG XÂY DỰNG XÃ SƠN BẰNG, GIAI ĐOẠN 2021 - 2030

ĐỊA ĐIỂM: XÃ SƠN BẰNG - HUYỆN HƯƠNG SƠN - TỈNH HÀ TĨNH

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH HỆ THỐNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT VÀ MÔI TRƯỜNG; HẠ TẦNG PHỤC VỤ SẢN XUẤT

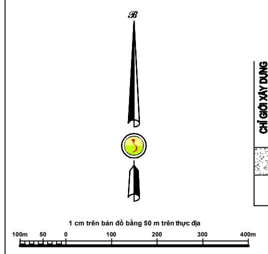

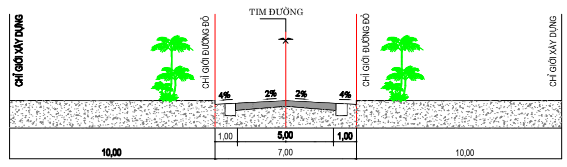

MẶT CẮT ĐIỂN HÌNH ĐƯỜNG TRỤC XÃ

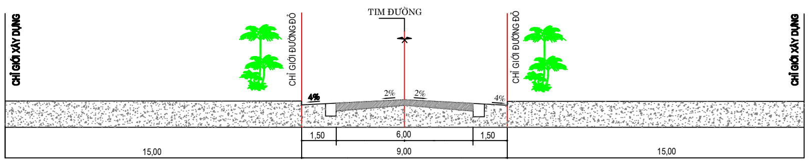

MẶT CẮT ĐIỂN HÌNH QUỐC LỘ 8

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ XÃ SƠN BẰNG TRONG HUYỆN HƯƠNG SƠN

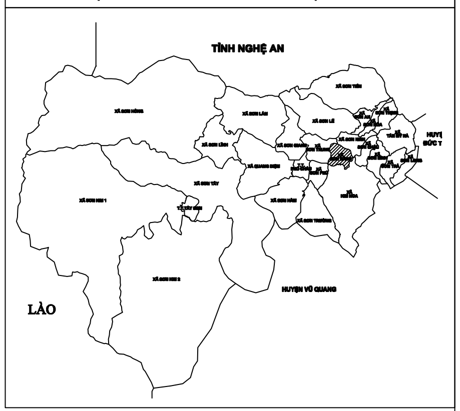

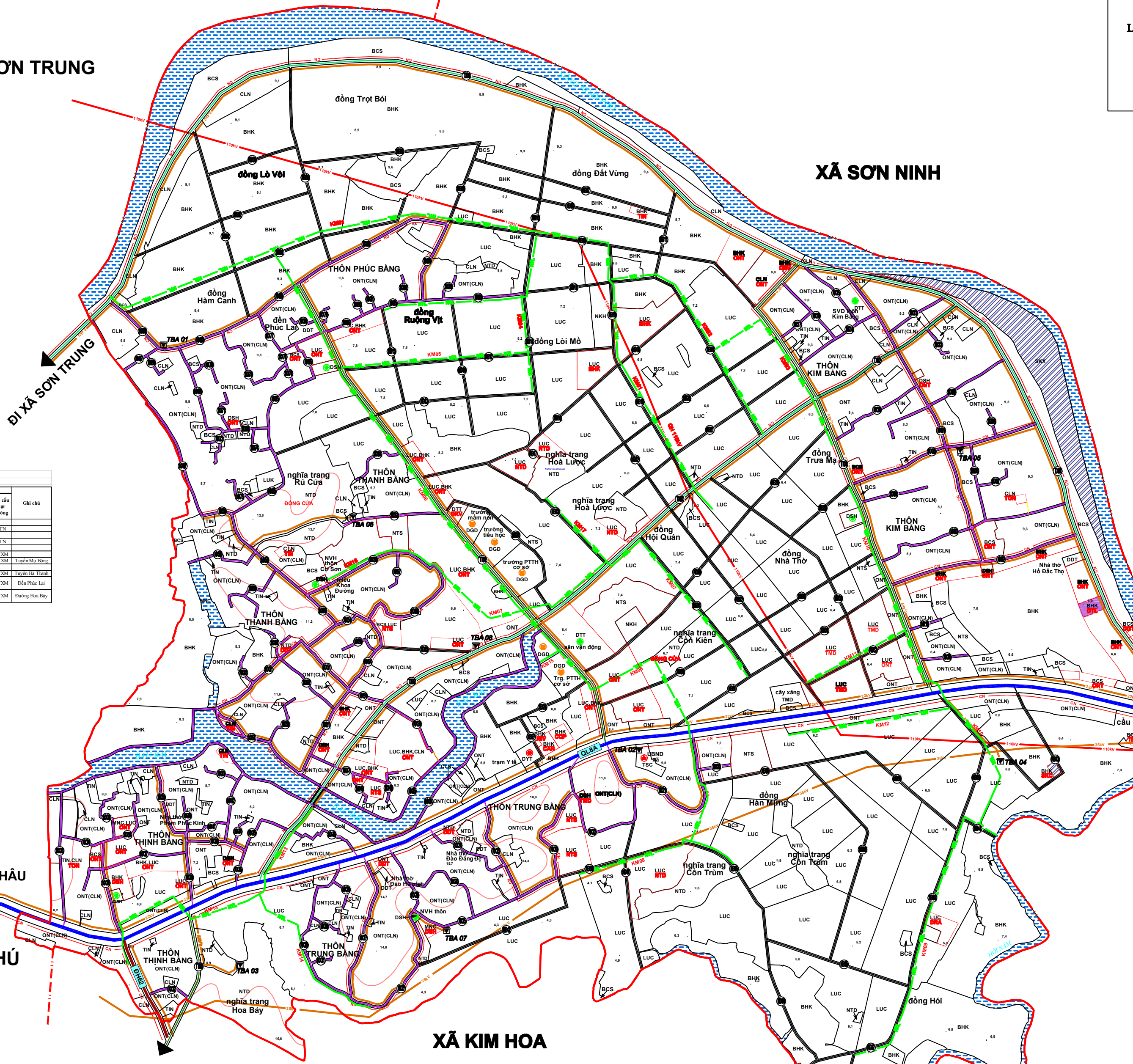

BẢNG TỔNG HỢP HIỆN TRẠNG, QUY HOẠCH ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN XÃ SƠN BẰNG, HUYỆN HƯƠNG SƠN, GIAI ĐOẠN 2021 - 2030												
TT	Tên tuyến (Điểm đầu - Điểm cuối)	Ký hiệu tên tuyến	Chiều dài (m)	Hiện trạng				Quy hoạch				Ghi chú
				Nền đường (m)	Mặt đường (m)	Lề đường (m)	Kết cấu mặt đường	Nền đường (m)	Mặt đường (m)	Lề đường (m)	Kết cấu mặt đường	
I	**Đường Quốc lộ**		**3.096**									
1	Quốc lộ 8 (đoạn qua xã Sơn Bằng)	QL8	3.096	6,0-7,5	5,0-5,5	0,5-1,25x2	BTN	9,00	6,00	1,50x2	BTN	
II	**Đường huyện**		**230**									
1	Đường huyện ĐH62 (đoạn qua xã Sơn Bằng)	ĐH62	230	7,00	5,00	1,00x2	Nhựa	9,0-12,0	6,0-7,0	1,0-3,0x2	BTN	
III	**Đường trục xã**		**6.329**									
1	Quốc lộ 8 (cầu Nầm) - Trạm bơm Cầu Kheng	TX01	3.956	7,00	5,00	1,00x2	BTXM	7,00	5,00	1,00x2	BTXM	
2	Nhà ông Ngô Tất Thành - Nhà bà Nguyễn Thị Lý	TX02	2.373	5,0-7,5	3,50	2,00x2	BTXM	6,5-7,5	3,50	1,5-2,0x2	BTXM	Tuyến Mụ Bóng
IV	**Đường trục thôn**		**2.932**									
1	Nhà ông Nguyễn Song Hà - Ngõ ông Thái Văn Định	TT01	1.252	8,00	3,50	2,25x2	BTXM	8,00	3,50	2,25x2	BTXM	Tuyến Hà Thanh
2	Nhà ông Nguyễn Thanh Toản - Nhà ông Nguyễn Văn Thế	TT02	1.450	6,50	3,50	1,50x2	BTXM	6,50	3,50	1,50x2	BTXM	Đền Phúc Lai
3	Nhà ông Ngô Kim Tùng - Nhà ông Nguyễn Đình Đào	TT03	230	7,50	3,50	2,00x2	BTXM	7,50	3,50	2,00x2	BTXM	Đường Hoa Bây

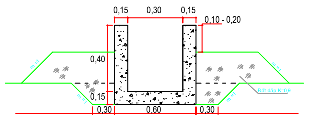

MẶT CẮT ĐIỂN HÌNH MƯƠNG NỘI ĐỒNG

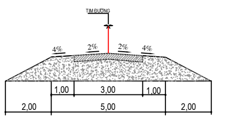

MẶT CẮT ĐIỂN HÌNH ĐƯỜNG TRỤC CHÍNH NỘI ĐỒNG

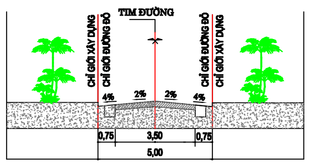

MẶT CẮT ĐIỂN HÌNH ĐƯỜNG TRỤC THÔN

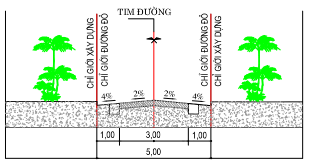

MẶT CẮT ĐIỂN HÌNH ĐƯỜNG NGÕ THÔN, XÓM

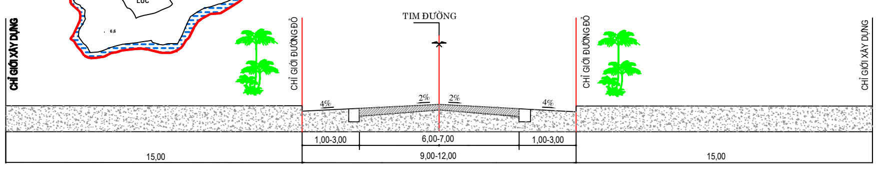

MẶT CẮT ĐIỂN HÌNH ĐƯỜNG HUYỆN

BẢNG TỔNG HỢP HIỆN TRẠNG, QUY HOẠCH KÊNH MƯƠNG THỦY LỢI NỘI ĐỒNG XÃ SƠN BẰNG, HUYỆN HƯƠNG SƠN, GIAI ĐOẠN 2021 -2030								
TT	Tên tuyến (Điểm đầu - Điểm cuối)	Ký hiệu tuyến	Tổng chiều dài (m)	Chiều dài đã được cứng hóa (m)	Chiều dài cần cứng hóa (m)	Kết cấu	Khẩu diện (b x h)	Ghi chú
VI	**Mương thủy lợi (15 tuyến)**		**12.191**	**10.766**	**1.425**			
1	Trạm bơm Cầu Kheng - Đất Lò Gạch - TT 04 - Ruộng Nguyễn Xuân Báo	KM01	2.116	2.116		Bê tông	90x90; 50x60	Kênh chính đi Mụ Lều
2	NĐ19 (Đất Dương Văn Hành) - TT04 (Nguyễn Thị Hương) đồng Đuôi Lươn	KM02	617	617		Bê tông	50x60	Kênh chính đi Đuôi Lươn
3	NĐ10 (Nguyễn Thị Lý, ruộng Mậu) - Ngõ Hồ Văn Viện - Ruộng Thái Văn Hoài, đồng Nhà Nàng	KM03	534	534		Bê tông	50x60	
4	KM01 (Võ Thành Nam) - NĐ13 (Võ Thành Công, đồng Cụp Da)	KM04	413	413		Bê tông	50x60	Kênh chính đi Cụp Da
5	Nhà văn hóa thôn Phúc Bằng - KM04 (Đào Xuân Hương, Ruộng Ao Vịt)	KM05	493	493		Bê tông	50x60	Kênh Cơn Dung
6	KM01 (ông Nguyễn Văn Thế) - Quốc lộ 8 - Côn Trùm	KM06	2.095	2.095		Bê tông	70x70	Kênh chính Đền Phúc Lai - Sân thể thao - QL8
7	NX56 (Nguyễn Đình Thụy) - KM 06 - Nghĩa trang Hoa Lược - NĐ31 Bàu Kho	KM07	1.079	1.079		Bê tông	50x50	Kênh Ung Lớ - Ruộng Cần
8	Côn Trùm (ruộng Nguyễn Thị Hương) - Cơn Tro (ruộng Phạm Văn Dũng)	KM08	457	457		Bê tông	50x50	Kênh Hàng Mưng - Cơn Tro
9	Từ Trạm bơm Hói - Đồng Dây	KM09	795	795		Bê tông	50x50	
10	Từ KM09 - NĐ29 đất Nhà văn hóa thôn	KM10	987	795	192	Bê tông, đất	50x50	
11	Từ KM10 - Nhà thờ họ Trần - NĐ22 Cây Xăng	KM11	290	290		Bê tông	50x50	
12	NĐ35 (Thái Thị Hương) - Đường Cồn Quán - Cây Xăng	KM12	419		419	Bê tông	50x50	
13	Trạm bơm Mụ Bóng - ông Ngô Kim Tùng - Ruộng Ao - Chà Trèng	KM13	800	800		Bê tông	50x50	
14	KM13 (Đào Thị Hoa) - Nhà Phạm Đình Quang - Đào Anh Tuấn	KM14	443	212	231	Bê tông, đất	50x50	
15	Trạm bơm Phúc Đụt - KM 06 (sân vận động)	KM15	70	70		Bê tông	50x50	
16	Từ nhà văn hóa thôn Thanh Bằng - cống ngõ ông Hữu (mương tiêu)	KM16	357		357	Đất		
17	Từ Lò Ngói - cống ông Bò (mương tiêu)	KM17	226		226	Đất		

CHÚ DẪN

KÝ HIỆU		DIỄN GIẢI	KÝ HIỆU		DIỄN GIẢI
A. SỬ DỤNG ĐẤT ĐAI			B. CÁC KÝ HIỆU KHÁC		
HIỆN TRẠNG	QUY HOẠCH		HIỆN TRẠNG	QUY HOẠCH	
▨	▨	Đất trồng lúa	●	○	Trung tâm hành chính chính trị
▨	▨	Đất trồng trọt khác	●	○	Trung tâm dịch vụ, thương mại
▨	▨	Đất rừng sản xuất	●	○	Trung tâm thể dục thể thao
▨	▨	Đất rừng phòng hộ	●	○	Trung tâm văn hóa
▨	▨	Đất nuôi trồng thủy sản	●	○	Trung tâm giáo dục, đào tạo, nghiên cứu
▨	▨	Đất nông nghiệp khác	●	○	Trung tâm y tế
■	▨	Đất ở	●	○	Trung tâm công nghiệp
■	▨	Đất công cộng	●	○	Trung tâm hỗn hợp
■	▨	Đất cây xanh, thể dục, thể thao	●	○	Trung tâm du lịch, nghỉ dưỡng
■	▨	**Đất tôn giáo, danh lam thắng cảnh, di tích, đình đền**	▲	△	Trạm biến áp
▨	▨	**Đất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề**	—N—	---N---	Đường ống cấp nước
▨	▨	**Đất khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng**	═	═	Cầu bê tông
■	▨	Đất xây dựng các khu chức năng khác	≻—≺	≻—≺	Cầu đơn giản
▨	▨	Đất xử lý chất thải rắn	═	═	**Quốc lộ**
▨	▨	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	═	═	**Đường tỉnh**
■	▨	Đất hạ tầng kỹ thuật khác	═	═	**Đường huyện**
■	▨	Đất hạ tầng phục vụ sản xuất	═	═	**Đường trục xã**
▨	▨	**Đất sông ngòi, kênh rạch, suối & mặt nước chuyên dùng**	═	═	Đường liên thôn
■	▨	**Đất quốc phòng, an ninh**	═	═	Đường ngõ xóm
■	▨	Đất chưa sử dụng	═	═	**Đường nội đồng**
◎		Đường bình độ	═	═	Đường giao thông khác (bờ vùng, bờ thửa,...)
— — —		Ranh giới, phạm vi quy hoạch	—	—	Mương thủy lợi
— CN —	— CN —	Cấp nước sạch			
— 35kV —	— 35kV —	Đường điện			

BẢNG TỔNG HỢP HIỆN TRẠNG, QUY HOẠCH ĐƯỜNG GIAO THÔNG NGÕ XÓM XÃ SƠN BẰNG, HUYỆN HƯƠNG SƠN, GIAI ĐOẠN 2021 - 2030												
TT	Tên tuyến (Điểm đầu - Điểm cuối)	Ký hiệu tên tuyến	Chiều dài (m)	Hiện trạng				Quy hoạch				Ghi chú
				Nền đường (m)	Mặt đường (m)	Lề đường (m)	Kết cấu mặt đường	Nền đường (m)	Mặt đường (m)	Lề đường (m)	Kết cấu mặt đường	
V	**Đường ngõ xóm (83 tuyến)**		**25.096**									
A	**Thôn Kim Bằng**											
1	Ngõ ông Phan Hồng Thân - Ngõ bà Nguyễn Thị Thành	NX01	834	6,00	3,50	1,25x2	BTXM	6,00	3,50	1,25x2	BTXM	
2	Đường 8B (Hồ Thị Giang) - Ngõ ông Phan Thanh Nhị	NX02	499	7,00	3,00	2,00x2	BTXM	7,00	3,00	2,00x2	BTXM	
3	Ngõ ông Lê Văn Thính - Ngõ ông Lê Văn Hùng	NX03	524	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	
4	Ngõ ông Lê Viết Cường - Ngõ ông Thái Văn Khác	NX04	174	5,40	3,00	1,20x2	BTXM	5,40	3,00	1,20x2	BTXM	
5	Đường 8B (Nguyễn Quốc Ninh) - Ngõ bà Lê Thị Tâm	NX05	504	5,10	3,00	1,05x2	BTXM	5,10	3,00	1,05x2	BTXM	
6	Ngõ bà Nguyễn Thị Lan - Ngõ ông Lê Đình Liên	NX06	197	6,00	3,00	1,50x2	BTXM	6,00	3,00	1,50x2	BTXM	
7	Ngõ ông Hồ Cao Thắng - ngõ Bà Lê Thị Tứ	NX07	98	3,00	3,00	0,00x2	BTXM	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	
8	Ngõ ông lê Văn Thành - Ngõ Dương Văn Hành	NX08	76	3,00	3,00	0,00x2	BTXM	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	
9	QL8B (Thái Thị Đường) - Ngõ ông Hồ Trần Chấn	NX09	386	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	
10	Từ nhà thờ họ Thái - Ngõ ông Thái Thoại	NX10	260	5,50	3,50	1,00x2	BTXM	5,50	3,50	1,00x2	BTXM	
11	Ngõ ông Hồ Hữu Tình - Ngõ ông Thái Văn Chương	NX12	94	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	
12	Ngõ bà Hồ Thị Phương - Ngõ Nguyễn Xuân Khánh	NX13	174	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	
13	Sân bóng Phan Đình cũ - Ngõ bà Nguyễn Thị Xuân	NX14	240	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	
14	Đường 8B (Thái Văn Định) - Ngõ ông Dương Hữu Phúc	NX15	204	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	
15	Ngõ Dương Văn Phượng - Ngõ Nguyễn Thị Phi Phương	NX16	199	5,00	3,50	0,75x2	BTXM	5,00	3,50	0,75x2	BTXM	
16	Ngõ ông Thái Tuấn - Ngõ ông Võ Quang Ngọ	NX17	102	5,00	3,50	0,75x2	BTXM	5,00	3,50	0,75x2	BTXM	
17	Ngõ Thái Quốc Trường - Nhà Thờ họ Hồ	NX18	86	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	
18	Ngõ bà Thái Thị Sâm - Ngõ Phan Hồng Thân	NX19	123	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	
B	**Thôn Trung Bằng**											
1	Ngõ ông Phạm Quang Lộc - Ngõ bà Trần Thị Minh	NX20	85	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	
2	QL 8 ông Nguyễn Văn Hùng - QL8 Dương Châu	NX21	527	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	
3	QL8 (Lê Đức An) - Ngõ bà Uông Thị Danh	NX22	426	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	
4	QL8 ông Nguyễn Trọng Quý - Ngõ Lê Tiến Dũng	NX23	647	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	
5	Lòi họ Đào - Ngõ bà Nguyễn Thị Lan	NX24	241	3,00	3,00	0,00x2	BTXM	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	
6	QL8 Đào Đàm - Ngõ Đào Thanh Bình	NX25	479	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	
7	Ngõ bà Lữ Thị Nguyên - Ngõ Đào Hồng	NX26	259	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	
8	Nhà văn hóa thôn - Ngõ ông Đào Quang Ngọc	NX27	774	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	
9	Ngõ ông Đào Mậu - Ngõ ông Ngô Hóa	NX28	443	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	
10	Ngõ Đào Xuân Lộc - Ngõ Đào Đàm	NX29	89	3,00	3,00	0,00x2	BTXM	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	
11	Ngõ Đào Khắc Tình - ngõ Đào Thế Quang	NX30	94	3,00	3,00	0,00x2	BTXM	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	
12	Ngõ Phạm văn Chiến - Ngõ bà Phạm Thị Thu	NX31	59	3,00	3,00	0,00x2	BTXM	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	
C	**Thôn Thịnh Bằng**											
1	Ngõ ông Phạm Đình Đảo - Ngõ ông Phạm Văn Hoàng	NX32	103	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	
2	QL8 (Hồ Thị Hồng) - Ngõ bà Phạm Thị Thu Hòe	NX33	349	5,00	3,50	0,75x2	BTXM	5,00	3,50	0,75x2	BTXM	
3	Ngõ bà Lê Thị Thìn - Ngõ ông Phạm Viết Đoái	NX34	310	5,00	3,50	0,75x2	BTXM	5,00	3,50	0,75x2	BTXM	
4	Ngõ ông Phạm Công Lương - Ngõ ông Phạm Văn Vy	NX35	176	3,00	3,00	0,00x2	BTXM	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	
5	QL8 (Phạm Văn Nghiêm) - Ngõ ông Phạm Công Lương	NX36	255	6,00	3,50	1,25x2	BTXM	6,00	3,50	1,25x2	BTXM	
6	Ngõ ông Phạm Quang Lành - Ngõ ông Nguyễn Văn Nghĩa	NX37	315	5,00	3,50	0,75x2	BTXM	5,00	3,50	0,75x2	BTXM	
7	QL8 (Nguyễn Tiến Điệp) - Ngõ Phạm Thị Xuyến	NX38	327	6,00	3,50	1,25x2	BTXM	6,00	3,50	1,25x2	BTXM	
8	Ngõ ông Nguyễn Hữu Thắng - Ngõ Phạm Văn Đường	NX39	234	3,00	3,00	0,00x2	BTXM	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	
9	Ngõ ông Nguyễn Hữu Thắng - Ngõ bà Đào Thị Toàn	NX40	95	3,00	3,00	0,00x2	BTXM	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	
10	Ngõ ông Nguyễn Hữu Thắng - Ngõ bà Nguyễn Thị Mỹ Hương	NX41	117	3,00	3,00	0,00x2	BTXM	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	
11	Ngõ ông Đào Huấn - Ngõ ông Phạm Văn Bính	NX42	188	3,00	3,00	0,00x2	BTXM	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	
12	Ngõ ông Nguyễn Đình Tùng - Ngõ Nguyễn Đình Châu	NX43	98	3,00	3,00	0,00x2	BTXM	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	
13	Ngõ bà Phạm Thị Xuyến - Ngõ bà Đậu Thị Xanh	NX44	72	3,00	3,00	0,00x2	BTXM	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	
14	QL8 (Nguyễn Văn Sơn) - Ngõ bà Nguyễn Thị Kim Tân	NX45	261	5,00	3,50	0,75x2	BTXM	5,00	3,50	0,75x2	BTXM	
15	QL8 (Đào Hoàn Trung Bằng) - Ngõ ông Phạm Hữu Tình	NX46	218	3,00		1,50x2	Đất	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	
16	Tuyến bám kênh Bàu Bạc (giáp Sơn Trung - đường Trục thôn	NX84	1.802					5,00	3,00	1,00x2	BTXM	
D	**Thôn Thanh Bằng**											
1	Ngõ ông Hồ Đình Đường - Ngã ba anh Cường	NX47	214	5,00	4,00	0,50x2	BTXM	5,00	4,00	0,50x2	BTXM	
2	Ngõ bà Hồ Thị Liên - Ngõ ông Nguyễn Thế Mỹ	NX48	108	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	
3	Ngõ ông Nguyễn Đình Chiêm - Ngõ ông Nguyễn Xuân Đạm	NX49	88	4,00		2,00x2	Đất	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	
4	Trục thôn (Nguyễn Thị Lan) - Ngõ bà Phạm Thị Lật	NX50										
	- Đoạn bê tông		*95*	*5,00*	*3,00*	*1,00x2*	*BTXM*	*5,00*	*3,00*	*1,00x2*	*BTXM*	
	- Đoạn đường đất		*88*	*5,00*		*2,50x2*	*Đất*	*5,00*	*3,00*	*1,00x2*	*BTXM*	
5	Trục thôn (Nguyễn Xuân Đạm) - Ông Nguyễn Xuân Phương - ông Nguyễn Văn Lý - bà Đào Thị Lý - ông Nguyễn Công Luận	NX51	798	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	
6	Ngõ ông Ngô Đức Trình - Ngõ ông Lương Mận	NX52	191	3,00	3,00	0,00x2	BTXM	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	
7	Ngõ ông Phạm Văn Thụ - Ngõ ông Phạm Xuân Quang	NX53	154	3,00	3,00	0,00x2	BTXM	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	
8	Ngõ ông Nguyễn Công Luận - bà Nguyễn Thị Tân - Nguyễn Đình Bá - Phạm Thị Huế - Thái Bình Dương	NX54	405	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	
9	Ngõ ông Nguyễn Văn Thứ - Ngõ ông Võ Văn Bằng	NX55	104	3,00	3,00	0,00x2	BTXM	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	
10	Ngõ bà Phạm Thị Huế - Ông Nguyễn Đình Thụy - ông Võ Như Ái - Nguyễn Đức Thự - Nguyễn Thị Xuân	NX56										
	- Đoạn bê tông		*458*	*5,00*	*3,50*	*0,75x2*	*BTXM*	*5,00*	*3,50*	*0,75x2*	*BTXM*	
	- Đoạn đường đất (bà Huế - ông Thụy)		*340*	*5,00*		*2,50x2*	*Đất*	*5,00*	*3,00*	*1,00x2*	*BTXM*	
11	Ngõ ông Võ Như Ái - Ngõ ông Đào Đình Cần	NX57	99	3,00	3,00	0,00x2	BTXM	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	
12	Nhà văn hóa thôn - Ngõ ông Phạm Văn Công	NX58	372	5,00	3,50	0,75x2	BTXM	5,00	3,50	0,75x2	BTXM	
13	Ngõ ông Võ Quang Thành - Ngõ bà Lê Thị Nhung - đất màu	NX59	206	3,00	3,00	0,00x2	BTXM	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	
14	Ngõ ông Nguyễn Hải Đường - Ngõ ông Phạm Đình Quế - Ông Thoại	NX60	267	3,00	3,00	0,00x2	BTXM	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	
15	Lòi ông Sung - Hết vườn ông Nguyễn Công Hoan	NX61	135	5,00		2,50x2	Đất	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	
16	Vườn ông Phạm Hữu Tường - Ngõ ông Phạm Văn Cảnh	NX62	83	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	
17	Trục thôn 03 (Nguyễn Khắc Lanh) - Nhà thờ họ Võ	NX63	263	7,00	3,50	1,75x2	BTXM	7,00	3,50	1,75x2	BTXM	
18	Trục thôn 03 (ông Sự) - Ngõ ông Đào Kỳ	NX64	163	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	
19	Tuyến bám kênh Bàu Bạc (giáp Sơn Trung - đường Trục xã	NX85	1.671					5,00	3,00	1,00x2	BTXM	
E	**Thôn Phúc Bằng**											
1	Ngõ ông Phạm Đình Phi - Ông Chiến - Đền Phúc Lai - Ngõ ông Hồ Công Anh	NX65										
	- Đoạn bê tông		*927*	*5,00*	*3,00*	*1,00x2*	*BTXM*	*5,00*	*3,00*	*1,00x2*	*BTXM*	
	- Đoạn đường đất (ông Chiến - ông Bằng)		*299*	*5,00*		*2,50x2*	*Đất*	*5,00*	*3,00*	*1,00x2*	*BTXM*	
2	Ngõ ông Võ Quang Dinh - Ông Quang - ông Tình - Đường 8B	NX66	1.223	6,50	4,00	1,25x2	BTXM	6,50	4,00	1,25x2	BTXM	
3	Ngõ ông Phạm Văn Công (Thanh Bằng) - Ông Ngô Khắc Nhợng - Ông Phạm Hữu Tình	NX67	542	6,50	4,00	1,25x2	BTXM	6,50	4,00	1,25x2	BTXM	
4	Ngõ ông Lê Quang Hân - Ngõ Nguyễn Thị Thể - Phạm Quang Thống	NX68	382	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	
5	Ngõ Phạm Văn Hiển - Ngõ Nguyễn Quốc Cường	NX69	72	3,00	3,00	0,00x2	BTXM	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	
6	Ngõ bà Ngô Thị Nhàn - Ngõ bà Ngô Thị Tám	NX70	107	3,00	3,00	0,00x2	BTXM	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	
7	Nhà văn hóa Phúc Thịnh cũ - Ngõ bà Ngô Thị Tám	NX71	118	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	
8	Nhà bà Trương Thị Hồng - Ngõ Đào Thị Châu - Phạm Thị Tứ	NX72	140	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	
9	Ngõ ông Nguyễn Văn Dương - Ngõ ông Nguyễn Văn Quyền	NX73	114	3,00	3,00	0,00x2	BTXM	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	
10	Ngõ ông Hồ Công Huân - Ngõ ông Ngô Xuân Tùng	NX74	96	3,00	3,00	0,00x2	BTXM	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	
11	Ngõ bà Nguyễn Thị Hoài - Đến ông Hoan đến bà Nguyễn Thị Liệu	NX75	286	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	
12	Ngõ ông Nguyễn Xuân Thăng - Đền Phúc Lai	NX76	135	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	
13	Ngõ ông Nguyễn Thị Biểu - Ngõ ông Đào Viết Hùng	NX77	110	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	
14	Ngõ bà Hồ Thị Phượng - Ngõ ông Đào Xuân Hương	NX78	84	3,00	3,00	0,00x2	BTXM	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	
15	Ngõ bà Nguyễn Thị Xuân - Ngõ ông Nguyễn Xuân Dung	NX79	57	3,00	3,00	0,00x2	BTXM	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	
16	Ngõ ông Bùi Văn Tứ - Ngõ bà Nguyễn Thị Huế	NX80	56	3,00	3,00	0,00x2	BTXM	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	
17	Ngõ ông Võ Thành Nam - Ngõ bà Nguyễn Thị Liên	NX81	62	3,00	3,00	0,00x2	BTXM	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	
18	Ngõ bà Võ Quang Thất - Ngõ ông Võ Quanng Vinh	NX82	89	3,00	3,00	0,00x2	BTXM	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	
19	Ngõ ông Võ Quang Đĩnh - Ngõ ông Đào Quang Khương	NX83	79	3,00	3,00	0,00x2	BTXM	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	

BẢNG TỔNG HỢP HIỆN TRẠNG, QUY HOẠCH ĐƯỜNG GIAO THÔNG NỘI ĐỒNG XÃ SƠN BẰNG, HUYỆN HƯƠNG SƠN, GIAI ĐOẠN 2021 - 2030												
TT	Tên tuyến (Điểm đầu - Điểm cuối)	Ký hiệu tên tuyến	Chiều dài (m)	Hiện trạng				Quy hoạch				Ghi chú
				Nền đường (m)	Mặt đường (m)	Lề đường (m)	Kết cấu mặt đường	Nền đường (m)	Mặt đường (m)	Lề đường (m)	Kết cấu mặt đường	
V	**Đường nội đồng (44 tuyến)**		**24088**									
1	Trạm bơm Cầu Kheng - Cống Trọt	NĐ01	806	5,00			Đất	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	
2	TT01 (thôn Phúc Bằng) - NĐ05	NĐ02	476	5,00			Đất	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	
3	Đất Đào Viết Hùng (Lò Vôi) - Đất màu Hồ Đình Đường (Đồng Bia)	NĐ03	237	5,00			Đất	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	
4	NX66 (Bà Biêu) - TT01 (thôn Phúc Bằng)	NĐ04	500	5,00			CP	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	
5	NX66 (Bùi Văn Châu) - TT01 (thôn Phúc Bằng)	NĐ05	516	5,00			CP	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	
6	NĐ05 (đất Phạm Văn Thị) - Cây Tắt - cống ông Quang	NĐ06	678	5,00			Đất	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	
7	NĐ06 (đất Hồ Thị Tuyết) - NĐ11 (Nguyễn Văn Quyền)	NĐ07	523	5,00			Đất	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	
8	NĐ06 (đất Nguyễn Xuân Cảnh) - NĐ11 (Nguyễn Thị Hạnh)	NĐ08	531	5,00			Đất	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	
9	NX66 (ông Bùi Đình Quang) - TT02 (nhà Trần Văn Dương)	NĐ09	849	5,00			Đất	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	
10	TT01 (Đất Vừng) - NX 65 (ông Hồ Công Anh) đến TT04 (đất Thái Trường Minh, đồng Đuôi Lươn)	NĐ10										
	- Đoạn bê tông		*226*	*5,00*	*3,00*	*1,00x2*	*BTXM*	*5,00*	*3,00*	*1,00x2*	*BTXM*	
	- Đoạn đường đất		*1.100*	*5,00*			*Đất*	*5,00*	*3,00*	*1,00x2*	*BTXM*	
11	TT01 (Đất Thái Hòa Lạc) - NĐ10 (đất Thái Văn Ninh)	NĐ11	222	5,00			Đất	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	
12	TT03 (Đào Chí đồng Nhị Nam) - NĐ14 (Nguyễn Văn Khán)	NĐ12	694	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	
13	NX65 (Hồ Công Huấn) - NĐ14 (Võ Công Thành, đồng Cộc Gia)	NĐ13	697	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	
14	NX65 (ông Hồ Công Anh) - NĐ18 (Phạm Quang Tuyến, đồng Cộc Gia)	NĐ14	357	5,00			Đất	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	
15	NX65 (NVH Phúc Lai cũ) - NĐ13 (Ngô Văn Thái, đồng Đầu Cầu)	NĐ15	253	5,00			Đất	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	
16	NX65 (bà Võ Thị Huê) - NĐ13 (Phạm Viết Thắng, đồng Nhị Nam)	NĐ16	254	5,00			Đất	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	
17	NĐ18 - Nghĩa Địa Lòi Ngói	NĐ17	43	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	
18	TT03 (Đào Văn Bé) - NĐ10 (Thái Đình Nghi, ruộng Trựa Mạ)	NĐ18										
	- Đoạn bê tông		*603*	*5,00*	*3,00*	*1,00x2*	*BTXM*	*5,00*	*3,00*	*1,00x2*	*BTXM*	
	- Đoạn đường đất		*225*	*5,00*			*Đất*	*5,00*	*3,00*	*1,00x2*	*BTXM*	
19	NĐ09 (Nguyễn Thị Lục, đồng Lò Gạch) - TT04 (Ngô Thị Phương, đồng Mụ lều)	NĐ19										
	- Đoạn bê tông		*589*	*5,00*	*3,00*	*1,00x2*	*BTXM*	*5,00*	*3,00*	*1,00x2*	*BTXM*	
	- Đoạn đường đất		*90*	*5,00*			*Đất*	*5,00*	*3,00*	*1,00x2*	*BTXM*	
20	TT02 (Ngõ Thái Văn Tuấn) - Phạm Đình Lâm (ruộng Chòi)	NĐ20	604	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	
21	TT02 (Ngõ Nguyễn Thị Xuân) - Nghĩa trang	NĐ21	555	3,00			Đất	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	
22	Quốc Lộ 8 - NĐ18 (đất Hoàng Thị Châu, ruộng Chòi)	NĐ22	1.017	3,00			Đất	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	
23	TT04 (Nguyễn Xuân Lương) - NĐ14 (Nguyễn Đình Phương, đồng Ung Lớ)	NĐ23	411	4,00			Đất	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	
24	TT03 (Nguyễn Khắc Lanh) - TT04 (cổng trường THCS)	NĐ24										
	- Đoạn bê tông		*72*	*5,00*	*3,00*	*1,00x2*	*BTXM*	*5,00*	*3,00*	*1,00x2*	*BTXM*	
	- Đoạn đường đất		*400*	*5,00*			*Đất*	*5,00*	*3,00*	*1,00x2*	*BTXM*	
25	NX54 (Nguyễn Thị Tâm) - TT04 (ông Nguyễn Xuân Báo)	NĐ25	232	5,00			Đất	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	
26	TT03 (Trường THPT) - Bàu Bạc	NĐ26	343	5,00			Đất	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	
27	QL8 (Trạm Y tế) - NĐ26 (Uông Thị Danh)	NĐ27	164	5,00			Đất	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	
28	TT03 (Sân vận động) - TT02 (ruộng Thái Văn Hoài)	NĐ28	896	4,00			Đất	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	
29	TT02 (Thái Quốc Dy) - NĐ33 (Thái Văn Tạo)	NĐ29	204	5,00			Đất	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	
30	TT03 (Lê Văn Hiệp) - TT02 (Lê Văn Thính)	NĐ30	817	3,00			Đất	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	
31	QL8 (Đào Thị Hai) - TT02 (Phan Tý)	NĐ31	678	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	
32	TT02 (Nhà thờ họ Trần) - NĐ22 (cây Xăng)	NĐ32	292	4,00			Đất	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	
33	QL8 (Thái Văn Đình, Đông Sơn) - TT04 (Mộ họ Thái)	NĐ33										
	- Đoạn bê tông		*631*	*5,00*	*3,00*	*1,00x2*	*BTXM*	*5,00*	*3,00*	*1,00x2*	*BTXM*	
	- Đoạn đường đất		*107*	*5,00*			*Đất*	*5,00*	*3,00*	*1,00x2*	*BTXM*	
34	NĐ31 (Cống Bàu Kho) - TT04 (Nghĩa trang Hoa Lược)	NĐ34	457	5,00	3,00	*1,00x2*	BTXM	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	
35	QL8 (Nguyễn Thị Lành) - Cồn Hương - Đào Văn Long (Đồng Cơn Ran) - bà Hạnh, đồng Hàng Mưng - NX23 (Nguyễn Đình Nam)	NĐ35	1.914	5,00	3,00	*1,00x2*	BTXM	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	
36	NX21 (Ruộng Trần Văn Luận) - Ruộng Phan Thị Tam - NĐ35 (đối diện ruộng Lê Viết Cường)	NĐ36	739	5,00	3,00	*1,00x2*	BTXM	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	
37	NĐ35 (Nguyễn Xuân Thắng, đồng Hói) - Ruộng Đào Văn Ninh - giáp xã Kim Hoa	NĐ37	388	5,00			Đất	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	
38	NĐ37 (Nguyễn Thị Hà Đồng Dây) - Ruộng Đào Quốc Việt - Ngô Văn Thành (ruộng Hói)	NĐ38	291	5,00			Đất	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	
39	NĐ36 (Lê Quang Vinh) - Ruộng Trần Thị Hạnh - NĐ35 (Nguyễn Thị Yêu, Đồng Sâu)	NĐ39	581	5,00			Đất	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	
40	NĐ35 (Nguyễn Văn Thuần, đồng Hàng mưng) - NĐ37 (đất UBND)	NĐ40	344	5,00			Đất	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	
41	NX22 (Trần Ngọc Lưu) - Cống Sơ Đúc, giáp xã Kim Hoa	NĐ41	386	5,00	3,00	*1,00x2*	BTXM	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	
42	NX23 (Nguyễn Đình Nam) - Ruộng Đào Thị Thí - NX27 (Phạm Đào Thịnh)	NĐ42	488	5,00			Đất	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	
43	QLộ 8 Võ Đình Cúc - Đất bà Xanh - NĐ35 ruộng Nguyễn Thanh Bình	NĐ43	511	4,00			Đất	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	
44	Đường vào Trạm Bơm - NĐ35 - Trạm Bơm	NĐ44	97	4,00			Đất	5,00	3,00	1,00x2	BTXM	

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT
UBND HUYỆN HƯƠNG SƠN
CHỦ TỊCH
KÈM THEO QĐ SỐ: ..../QĐ-UBND NGÀY .... THÁNG .... NĂM 2023

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH
PHÒNG KINH TẾ VÀ HẠ TẦNG
TRƯỞNG PHÒNG
KÈM THEO VĂN BẢN SỐ:.......... NGÀY ..... THÁNG ..... NĂM 2023

CHỦ ĐẦU TƯ
UBND XÃ SƠN BẰNG
CHỦ TỊCH
UÔNG THỊ KIM YẾN
KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ: .... NGÀY ......THÁNG ...... NĂM 2023

CÔNG TRÌNH- ĐỊA ĐIỂM:
ĐỒ ÁN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHUNG XÂY DỰNG XÃ SƠN BẰNG, GIAI ĐOẠN 2021 - 2030
ĐỊA ĐIỂM: XÃ SƠN BẰNG - HUYỆN HƯƠNG SƠN - TỈNH HÀ TĨNH

TÊN BẢN VẼ:
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH HỆ THỐNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT VÀ MÔI TRƯỜNG; HẠ TẦNG PHỤC VỤ SẢN XUẤT

BẢN VẼ: KT-05	TỶ LỆ: 1/5.000	HOÀN THÀNH: ....../2023
THIẾT KẾ:	KS. NGUYỄN ANH TRUNG	
THỂ HIỆN:	KS. NGUYỄN ANH TRUNG	
CHỦ TRÌ:	KS. NGUYỄN VĂN NINH	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT:	KS. NGUYỄN VĂN NINH	

PHÓ GIÁM ĐỐC
LÊ ĐÌNH NGÂN

CÔNG TY TNHH TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG BẢO CHÂU
ĐỊA CHỈ : SỐ 26 - NGÕ 1 - PHỐ PHẠM TUẤN TÀI
PHƯỜNG DỊCH VỌNG HẬU - QUẬN CẦU GIẤY - TP HÀ NỘI